

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM TUẤN ANH

2. Ngày tháng năm sinh: 10/06/1975; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 106 Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: số 125/16 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: (024) 38433946; Điện thoại di động: 098 368 3898;

E-mail: phamtuananh@tmu.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
Từ năm 1996 đến năm 1998	Giảng viên tập sự, bộ môn Tài chính, khoa Kế toán – Tài chính, trường Đại học Thương mại.
Từ năm 1998 đến năm 2006	Giảng viên, bộ môn Tài chính quốc tế, khoa Thương mại quốc tế, trường Đại học Thương mại
Từ năm 2006 đến năm 2009	Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Thương mại quốc tế, trường Đại học Thương mại
Từ năm 2009 đến năm 2010	Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Thương mại quốc tế, trường Đại học Thương mại.

Từ năm 2010 đến năm 2012	Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Thương mại.
Từ năm 2012 đến năm 2016	Giảng viên, Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Quản trị tài chính, khoa Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Thương mại.
Từ năm 2016 đến nay	Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Thương mại.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thương mại.

Địa chỉ cơ quan: 79 Hồ Tùng Mậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 3764 3219

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 30 tháng 07 năm 1996, ngành: Kế toán, chuyên ngành: Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại.

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Thương mại, Việt Nam

- Được cấp bằng Đại học ngày 08 tháng 01 năm 1998, ngành: Tiếng Anh, chuyên ngành: Tiếng Anh

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 24 tháng 06 năm 2002, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ

Nơi cấp bằng Thạc sỹ: Trường Đại học Thương mại, Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 8 tháng 3 năm 2016, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Thương mại

Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Trường Đại học Thương mại, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS

ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Thương mại

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- (1) Nghiên cứu các vấn đề về phát triển tài chính bền vững;
- (2) Nghiên cứu các vấn đề về quản trị tài chính và quản trị rủi ro tài chính.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng Thạc sĩ;
- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Bộ (là chủ nhiệm, đã nghiệm thu);
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp Cơ sở (là chủ nhiệm, đã nghiệm thu);
- Đã tham gia 02 đề tài NCKH cấp Bộ (là thành viên chính, đã nghiệm thu);
- Đã công bố 31 bài báo KH, trong đó có 10 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (thuộc danh mục ISI/Scopus);
- Đã xuất bản 04 sách ở nhà xuất bản trong nước có uy tín, trong đó Đồng chủ biên 1 giáo trình, Đồng chủ biên 2 sách tham khảo, tham gia viết 1 giáo trình;
- Đã xuất bản 01 sách tham khảo (Đồng chủ biên) và 04 chương sách quốc tế tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín.

15. Khen thưởng:

- Danh hiệu thi đua: 03 năm Lao động giỏi (các năm học 2000-2001, 2001-2002, 2002-2003); 07 năm Chiến sỹ thi đua cơ sở (các năm học 2007-2008, 2009-2010, 2012-2013, 2013-2014, 2014-2015, 2015-2016, 2018-2019)
- Kỷ niệm chương “Vì thế hệ trẻ” của Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năm 2011. (Quyết định số 154NQ/TWĐTN ngày 08/03/2011)
- 03 Bằng khen bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: năm học 2014-2015 (Quyết định số 1574/QĐ-BTBGD&ĐT ngày 20/10/2015); Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 1960-2010 (Quyết định số 4417/QĐ-BGDĐT ngày 04/10/2010); năm học 2018-2019 (Quyết định số 4493/QĐ-BTBGD&ĐT ngày 19/11/2019);
- Giấy chứng nhận hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải trong cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giấy chứng nhận hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải trong cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giấy khen hiệu trưởng: 13 năm liên tục gần nhất (từ năm học 2006-2007 đến năm học 2018-2019).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về phẩm chất đạo đức: Tôi luôn không ngừng rèn luyện, giữ vững bản lĩnh và phẩm chất chính trị của một Đảng viên, chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Ngành, của Nhà trường, gương mẫu đi đầu trong thực hiện các cuộc vận động thi đua của Nhà nước, của Ngành, Nhà trường. Tôi luôn chấp hành nghiêm túc quy định của Trường, Khoa, Bộ môn, tuân thủ sự chỉ đạo của tổ chức. Tôi luôn giữ phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, chan hòa và đoàn kết với đồng nghiệp, cư xử đúng mực với sinh viên, học viên.

- Về công tác giảng dạy: tôi luôn nỗ lực phấn đấu, trau dồi kiến thức, kỹ năng và phương pháp để đáp ứng các yêu cầu của công tác giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu đối với một giảng viên đại học. Theo sự phân công của Nhà trường, Khoa và Bộ môn, tôi đã đảm nhận giảng dạy các học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học, Quản trị tài chính, Quản trị tài chính công ty đa quốc gia, Bảo hiểm cho đối tượng sinh viên đại học; sau khi nhận bằng Tiến sĩ 1 năm, tôi đã đảm nhận giảng dạy các học phần Quản trị tài chính nâng cao, Quản trị rủi ro tài chính cho đối tượng cao học viên chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng và chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Tôi luôn nỗ lực không ngừng trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đổi mới phương pháp để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

- Về nghiên cứu khoa học: Tôi luôn không ngừng tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, cập nhật các phương pháp, các kỹ thuật nghiên cứu phù hợp với việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể. Tôi luôn chủ động gương mẫu, phấn đấu hết mình trong công tác nghiên cứu, thành lập và dẫn dắt các nhóm nghiên cứu hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu, biên soạn giáo trình, sách tham khảo, thực hiện các dự án nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu tại các Hội thảo khoa học quốc tế, các Hội thảo khoa học quốc gia, các diễn đàn về tài chính, kinh tế và kinh doanh. Với vai trò là người lãnh đạo nhóm nghiên cứu, hay với vai trò là người tham gia nhóm nghiên cứu, tôi cũng luôn nỗ lực học hỏi, kết nối, đẩy mạnh cộng tác với các nhà khoa học trong và ngoài trường, các nhà khoa học quốc tế nhằm chia sẻ, thảo luận và hoàn thiện ý tưởng nghiên cứu, thực hiện các dự án nghiên cứu và có các công bố khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Cùng với việc thực hiện các nghiên cứu và công bố khoa học, tôi luôn chủ động tham gia và có những đóng góp thiết thực trong nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo, đề cương học phần, tham gia và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong tự đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo theo sự phân công của Nhà trường và của Khoa Tài chính – Ngân hàng.

- Về học tập, tự bồi dưỡng: Tôi luôn có ý thức và không ngừng nỗ lực tự học để nâng cao kiến thức chuyên môn, thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, các diễn đàn, sinh hoạt học thuật về các chủ đề liên quan tới định hướng nghiên cứu về phát triển tài chính bền vững, quản trị tài chính doanh nghiệp và quản trị rủi ro tài chính. Đồng thời, tôi cũng không ngừng tự học hỏi, tham các khóa bồi dưỡng, các diễn đàn trao đổi về kinh nghiệm nghiên cứu và công bố quốc tế; cũng như luôn có ý thức tự học nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ để đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

- Về công tác quản lý: Trải qua nhiều vị trí quản lý chuyên môn ở cấp Bộ môn, từ phó trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn phụ trách và nay là trưởng Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Thương mại, tôi luôn nỗ lực không ngừng học hỏi để tăng cường kiến thức quản lý, cập nhật hệ thống quy định quản lý, các chế độ, chính sách, tích lũy kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng quản lý, để có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trên từng cương vị quản lý. Cho dù ở cương vị nào, tôi cũng luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, không ngừng xây dựng và củng cố khối đoàn kết, định hướng và tạo môi trường quản lý tốt các hoạt động chuyên môn giảng dạy, nghiên cứu và các công tác khác của các giảng viên trong bộ môn. Kết quả là bộ môn Quản trị tài chính nhiều năm liền là bộ môn hoàn thành tốt, vượt mức các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nhiều năm nhận được các danh hiệu thi đua tập thể, nhận được giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Thương mại.

Trong suốt quá trình công tác liên tục tại trường Đại học Thương mại, tôi tự đánh giá bản thân đáp ứng đầy đủ mọi tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà giáo quy định tại Luật Giáo dục Việt Nam.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

Tính đến thời điểm hiện tại, tôi đã công tác tại trường Đại học Thương mại liên tục trong 24 năm, trong đó có 22 năm liên tục gần nhất, tôi trực tiếp đứng lớp giảng dạy. Bảng dưới đây là tổng hợp kết quả đào tạo trong 6 năm học gần nhất, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015				08	165	0	165/365/238
2	2015-2016				08	210	0	210/410/229,5
3	2016-2017			02	06	30	150	180/470/216
3 năm niên cuối								
4	2017-2018			02	06	90	90	180/470/216
5	2018-2019			02	06	45	150	195/485/216
6	2019-2020				5		210	210/335/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ Hà Nội; số bằng: B117083; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Ngô Thị Thúy Nga		X	X		Từ 22/11/2016 đến 17/6/2017	Trường Đại học Thương mại	QĐ số 719/QĐ-ĐHTM ngày 17/10/2017
2	Phạm Xuân Tùng		X	X		Từ 22/11/2016 đến 17/6/2017	Trường Đại học Thương mại	QĐ số 719/QĐ-ĐHTM ngày 17/10/2017
3	Lê Thị Tú		X	X		Từ 22/6/2018 đến 15/12/2018	Trường Đại học Thương mại	QĐ số 445/QĐ-ĐHTM ngày 10/4/2019
4	Dương Công Thành		X	X		Từ 22/6/2018 đến 15/12/2018	Trường Đại học Thương mại	QĐ số 445/QĐ-ĐHTM ngày 10/4/2019
5	Nguyễn Đức Trụ		X	X		Từ 07/01/2019 đến 15/7/2019	Trường Đại học Thương mại	QĐ số 1223/QĐ-ĐHTM ngày 18/10/2019
6	Dương Thị Hà		X	X		Từ 07/01/2019 đến 15/7/2019	Trường Đại học Thương mại	QĐ số 1223/QĐ-ĐHTM ngày 18/10/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ							
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GT	NXB Thống kê / 2015 (ISBN: 13: 978-604-75-0332-2)	10	Tham gia	Chương 4: 145-188	Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Thương mại số 489/QĐ-ĐHTM ngày 22/5/2020
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ							
2	Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	GT	NXB Thống kê / 2019 (ISBN: 13: 978-604-75-1404-5)	11	Đồng chủ biên	Chương 5: 217-317	Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Thương mại số 489/QĐ-ĐHTM ngày 22/5/2020
3	Tác động của quản trị tài chính đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	TK	NXB Khoa học và Kỹ thuật / 2020 (ISBN: 978-604-67-1590-0)	4	Đồng chủ biên	Chương 1, chương 2: 13-114 Chương 4: 121-159	Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Thương mại số 648/QĐ-ĐHTM ngày 19/6/2020
4	Contemporary risk management via analyzing risk in banking, insurance, stock investment companies after global economic crisis (Part 1)	TK	NXB Tài chính / 2020 (ISBN: 978-604-79-2335-9)	11	Đồng chủ biên	21-67 220-266	Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Thương mại số 649/QĐ-ĐHTM ngày 19/6/2020
5	Action leadership in governance after global economic crisis (part 1)	TK	Author House / 2020 (ISBN: 978-1-7283-5305-0)	20	Đồng chủ biên	1-14, 30-53 119-144, 342-368 371-394,	

6	Emerging Issues and Development in Economics and Trade Vol. 3	TK	Book Publisher International / 2020 (Print ISBN: 978-93- 89562-84-2, eBook ISBN: 978-93- 89562-85-9)	26	Tác giả chính chương 4	Chapter4: Financial Risk Management via a Two Factors Model on the Risk Level of Vietnam Electric Power Industry during and after the Global Crisis DOI: 10.9734/bpi/eidet/v3
7	Current Strategies in Economics and Management Vol. 1	TK	Book Publisher International / 2020 (Print ISBN: 978-93- 89816-68-6, eBook ISBN: 978-93- 89816-69-3)	20	Tác giả chính chương 5	Chapter 5: To What Extent Corporate Tax Policy Changes Impact on the Risk Level of Viet Nam Software and Hardware Companies DOI: 10.9734/bpi/csem/v1
8	Current Strategies in Economics and Management Vol. 2	TK	Book Publisher International / 2020 (Print ISBN: 978-93- 90149-60-5, eBook ISBN: 978-93- 90149-06-3)		Đồng tác giả chương 11	Chapter 11: Tax Rates Effects on the Risk Level of Listed Viet Nam Human Resource and Medical Equipment Firms during Global Economic Crisis 2007-2009 DOI: 10.9734/bpi/csem/v2
9	Current Strategies in Economics and Management Vol. 3	TK	Book Publisher International / 2020 Print ISBN: 978-93- 90149-61-2, eBook ISBN: 978-93- 90149-07-0	23	Tác giả liên hệ chương 3	Chapter 3: Evaluation of Systematic Risk of Viet Nam Construction Material Industry during the Pre-Low Inflation Period 2012-2014 DOI: 10.9734/bpi/csem/v3

Trong đó, có 01 sách tham khảo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (số TT: 5) và 04 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: (các số TT: 6, 7, 8, 9).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
1	Đề tài: “Một số giải pháp phòng ngừa rủi ro khi thanh toán trong thương mại điện tử tại Việt Nam”	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2002-2003	31/10/2003 / Xếp loại Xuất sắc
2	Đề tài: “Một số giải pháp nhằm phát triển quỹ đầu tư tại Việt Nam”	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2003-2004	24/12/2004 / Xếp loại Xuất sắc
3	Đề tài: “Nghiên cứu cơ chế chính sách tài chính nhằm thúc đẩy sự ra đời và phát triển thị trường giao sau hàng nông phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam”	Chủ nhiệm	B2005-39-75 / Cấp Bộ	2006-2007	29/4/2008 / Xếp loại Khá
4	Đề tài: “Các giải pháp tài chính hỗ trợ hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam”	Thành viên	B2006-07-10TD / Cấp Bộ	2006-2007	21/8/2008 / Xếp loại Tốt
5	Đề tài: “Quản lý nhà nước đối với thị trường vàng ở nước ta hiện nay. Thực trạng và giải pháp”	Thành viên	B2010-07-114 / Cấp Bộ	2010-2011	21/6/2012 / Xếp loại Tốt
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
6	Đề tài: “Mối quan hệ giữa quản trị hàng tồn kho và hiệu quả tài chính của công ty niêm yết ở Việt Nam”	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2015-2016	22/6/2016 / Xếp loại Tốt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	Lựa chọn giao thức thanh toán bằng thẻ tín dụng trong thương mại điện tử B2C	1	x	Kỷ yếu HTKH Quốc gia “Thương mại điện tử với đổi mới và phát triển đào tạo kinh tế, quản trị kinh doanh của các trường đại học nước ta”			333-340	2002

2	Phát triển mô hình đánh giá rủi ro tín dụng đối với các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu trong điều kiện Việt Nam	1	x	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ / 2238/GPXB của Bộ VHTT			tháng 6/2004, 20-21	2004
3	Một số vấn đề về quản trị rủi ro thanh toán trong kinh doanh trực tuyến ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học Thương Mại / ISSN: 1859-3666			số 6, tháng 6/2004, 52-55	2004
4	Xây dựng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội doanh nghiệp - một cách thức chủ động nhằm giải quyết vấn đề lao động trẻ em tại Việt Nam	1	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp - ICCRS 2008” / NXB Thống Kê			Tập 3 “Thực trạng và giải pháp đối với Việt Nam”, 245-252	2008
5	Tái cấu trúc vốn của các trung gian tài chính nhằm ứng phó với khủng hoảng tín dụng, kinh nghiệm Hàn quốc, Thái lan, Indonesia và Malaysia và những liên hệ trong điều kiện của Việt Nam	1	x	Kỷ yếu HTKH quốc tế “Tái cấu trúc ngành và các doanh nghiệp ngành công thương trong giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu” / NXB Thống Kê: 161-2010/CXB/173-23/TK			590-597	2010
6	Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong triển khai quy hoạch phát triển đào tạo nghề của Sơn La giai đoạn 2010 – 2020	1	x	Kỷ yếu HTKH quốc gia “Đào tạo nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Sơn La và vùng Tây Bắc trong tiến trình hội nhập” / NBX Thống Kê: 114-2012/CXB/168-01/TK			189-195	2012
7	Nghiên cứu về động cơ quyết định đầu tư công nghiệp phụ trợ của chủ doanh nghiệp tại Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học Thương Mại / ISSN: 1859-3666			số 49, tháng 8/2012, 38-41,50	2012
8	Một số kết luận rút ra từ nghiên cứu phát triển công nghiệp phụ trợ của một số quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á và những hàm ý chính sách cho Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học Thương Mại / ISSN: 1859-3666			số 53-54, tháng 1+2 /2013, 134-144	2013

9	Những khó khăn trong đầu tư công nghiệp phụ trợ	1	X	Tạp chí Công Thương / ISSN: 0866-7756			số 7, tháng 7/2013, 62-63	2013
10	Phân tích các nhân tố tác động tới quyết định đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ của chủ doanh nghiệp tại Việt Nam	1	X	Kỷ yếu HTKH quốc tế “Hội nhập: Thành tựu và những vấn đề đặt ra” / NXB Thống Kê: 95-2013/CXB/156.2-01/TK			Tập 2, tháng 10/2013, 151-162	2013
11	So sánh mô hình “Đào tạo tiên tuyền dụng” và mô hình “Đào tạo tân tuyền” nhân sự ngân hàng thương mại	1	X	Kỷ yếu HTKH quốc gia “Phát triển đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học ở Việt Nam” / ISBN: 978-604-59-2833-2			34-41	2015
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
12	Analyzing the Relationships between Female Leader Proportion and Market Value Added of Listed Companies in Vietnam Seafood Industry	1	x	Journal of Trade Science / ISSN: 1859-3666			Volume 4, Number 1, June 2016, 38-47	2016
13	Thiết kế mô hình cung ứng học liệu cho sinh viên trong bối cảnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại trường Đại học Thương Mại	1	x	Kỷ yếu HTKH quốc gia “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo đại học trong điều kiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm” / ISBN: 978-604-55-2268-4			329-342	2017
14	Sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ cho vay của Agribank – chi nhánh Mộ Đức, Quảng Ngãi	2	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo / ISSN: 0866-7120			Số 15, tháng 5/2017, 15-18	2017
15	Quản trị rủi ro tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam	1	x	Tạp chí Tài chính / ISSN: 005-56			số 664 (Kỳ 1, tháng 9/2017), 27-30	2017
16	Impact of capital structure on financial efficiency of real estate exchange model listed companies in Vietnam	1	x	Journal of Trade Science / ISSN: 1859-3666			Vol 5, Number 3, December 2017, 63-72	2017

17	Thu nhập và mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình nông thôn Việt Nam giai đoạn 2012-2016	3	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo / ISSN: 0866-7120			số 21 tháng 7/2018, 135-138	2018
18	Các yếu tố cấu thành chất lượng dịch vụ đào tạo sau đại học ảnh hưởng tới sự hài lòng của học viên trường Đại học Thương mại	1	X	Kỷ yếu HTKH quốc gia “Đào tạo sau đại học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế - Cơ hội, thách thức và giải pháp” / ISBN: 978-604-55-3378-9			Tháng 11/2018, 102-116	2018
19	Key Factors Affecting The Level Of Rural Households's Income Diversification In Vietnam	2	X	Journal of Trade Science, ISSN: 1859-3666			Volume 6, Number 4, December 2018, 3-14	2018
20	Ứng dụng ERM trong kiểm soát rủi ro tài chính doanh nghiệp trường hợp đối sánh doanh nghiệp bất động sản ở Việt Nam	2	X	Kỷ yếu HTKH quốc gia “Kiểm soát tài chính ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế” / ISBN: 978-604-89-7895-2			510-522	2019
21	Factors affecting sustainable consumption choice in the field of food and drink: The case of university students in Hanoi	5	X	International Journal of Entrepreneurship / Print ISSN: 1099-9264; Online ISSN: 1939-4675	Scopus Q3		Vol: 23 Issue: 1S December 2019, 1-11	2019
22	Analysis of a Financial Model for Converting Industrial Waste Tires into Clean Energy for Environment Protection - A Model in Developing Countries	3	x	WSEAS TRANSACTIONS on BUSINESS and ECONOMICS / ISSN: 1790-5079 / E-ISSN: 2224-3496	Scopus Q4		Vol 15, December 2019, 447-454	2019
23	Risk Management via Measuring the Volatility of Market Risk of Viet Nam Hardware Industry during the Post-Low Inflation 2015-2017	3	x	WSEAS TRANSACTIONS on BUSINESS and ECONOMICS / ISSN: 1790-5079 / E-ISSN: 2224-3496	Scopus Q4		Vol 16, December 2019, 552-558	2019
24	Modern corporate governance standards and role of auditing-cases in some Western european	7		International Journal of Entrepreneurship / Print ISSN 1099-9264; Online ISSN 1939-4675	Scopus Q3		Vol: 23 Issue: 1S December 2019, 1-10	2019

	countries after financial crisis, corporate scandals and manipulation							
25	Estimating Volatility of Market Risk of Viet Nam Consumer Good Industry after the Low Inflation Period 2015-2017	4	x	Journal of Advanced Research in Dynamical and Control Systems / ISSN: 1943-023X	Scopus Q3		Vol. 12, 03-Special Issue, 818-826	2020
26	So sánh các lựa chọn tài chính cá nhân trong bối cảnh vỡ nợ - Nghiên cứu tình huống điển hình gia đình trẻ tại Hà Nội	1	x	Kỷ yếu HTKH quốc gia “Tài chính cá nhân – Lý thuyết và thực hành trong bối cảnh mới” / ISBN:978-604-67-1591-7			413-440	2020
27	Sustainable consumption behaviors of young people in the field of food and drinks - a case study	5	x	Journal of Security and Sustainability Issues / Print ISSN: 2029-7017; Online ISSN: 2029-7025	Scopus Q2		Volume 9, May 2020, 36-47	2020
28	The determination of capital structure: a case study	5	X	Journal of Security and Sustainability Issues / Print ISSN: 2029-7017; Online ISSN: 2029-7025	Scopus Q2		Volume 9, May 2020, 5-17	2020
29	Where Beta Going - Case in Vietnam Commercial Electric Industry During Post-Low Inflation Period 2015-2017	5	X	International Journal of Psychosocial Rehabilitation / ISSN: 4175-7192	Scopus Q4		Vol. 24, Issue 05,3542-3553	2020
30	Impact of selected factors on stock price: A case study of Vietcombank in Vietnam	3		Entrepreneurship and Sustainability Issues ISSN 2345-0282 (online) http://jssidoi.org/jesi/	Scopus Q1		Volume 7 Number 4, 2715-2730	2020
31	Key factors affecting earning management of real estate listed firms in Vietnam	1	X	International Journal of Entrepreneurship / Print ISSN 1099-9264; Online ISSN 1939-4675	Scopus Q3		Volume 24, Special Issue 1, 1-14	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 08

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Tham gia xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại, khoa Tài chính – Ngân hàng phụ trách, bao gồm:

- Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại;

- Chương trình đào tạo Chất lượng cao ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại;

- Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính công.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Tuấn Anh